

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 179/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần X**; Trụ sở: Đường G, phường H, quận D, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Thành L – Trưởng bộ phận xử lý nợ, bà Đinh Thị Thuý N và ông Ngô Văn P – Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản uỷ quyền số 1807/2022/UQ-LCC-KHCN ngày 10/04/2022).

- *Bị đơn:* 1. **Ông Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1978

2. **Bà Hồ Thu P**, sinh năm 1978

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Hồ Thu P: **Ông Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1978.

Cùng nơi cư trú: ngõ S phố N, phường C, quận E, thành phố Hà Nội;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Ông Nguyễn Xuân D**, sinh năm 1941

2. **Bà Trần Thị H**, sinh năm 1942

3. **Chị Nguyễn Ngọc Phương U**, sinh năm 2003

4. **Cháu Nguyễn Phương L**, sinh năm 2011

5. **Cháu Nguyễn Duy Đ**, sinh năm 2013;

Cùng Nơi cư trú: ngõ S phố N, phường C, quận E, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Xuân D, bà H, chị U: Ông Nguyễn Ngọc D.

Các cháu Linh, Đạt do **ông Nguyễn Ngọc D và bà Hồ Thu P** (bố mẹ đẻ) là người đại diện theo pháp luật.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần X và ông Nguyễn Ngọc D, bà Hồ Thu P xác nhận tính đến ngày 02/8/2022 ông Nguyễn Ngọc D, bà Hồ Thu P còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần X tổng số tiền là 2.577.092.349 (Hai tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc là 2.166.429.812 (Hai tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm mười hai) đồng, nợ lãi: 392.256.496 (Ba trăm chín mươi hai triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm chín mươi sáu) đồng, phạt chậm trả: 18.337.041 (Mười tám triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi một) đồng theo 03 Hợp đồng tín dụng, cụ thể:

+ Hợp đồng cho vay số LN123456 ngày 29/04/2020: Nợ gốc là 2.082.546.866 đồng, nợ lãi là 359.201.274 đồng, phạt chậm trả là 17.837.077 đồng

+ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/5/2019: Nợ gốc là 22.789.300 đồng, nợ lãi là 20.701.106 đồng.

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DMS/VN0123456/201911/191 ngày 01/11/2019: Nợ gốc là 61.162.646 đồng, nợ lãi là 12.354.116 đồng, phạt chậm trả là 499.964 đồng.

Đây là những khoản vay chung của vợ chồng ông Ngọc D, bà P để phục vụ nhu cầu cuộc sống của gia đình và cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ.

- Về phương án trả nợ cụ thể như sau: Chậm nhất đến hết ngày 30/9/2022 ông Nguyễn Ngọc D, bà Hồ Thu P sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X, tổng số tiền là: 2.577.092.349 (Hai tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi chín) đồng, trong đó nợ gốc là 2.166.429.812 (Hai tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm mười hai) đồng, nợ lãi: 392.256.496 (Ba trăm chín mươi hai triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bốn

trăm chín mươi sáu) đồng, phạt chậm trả: 18.337.041 (Mười tám triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi một) đồng.

Kể từ ngày 03/8/2022, ông Nguyễn Ngọc D, bà Hồ Thu P vẫn phải chịu các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt theo đúng thỏa thuận trong 03 Hợp đồng tín dụng nói trên cho đến ngày ông Nguyễn Ngọc D và bà Hồ Thu P thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Trường hợp ông Nguyễn Ngọc D, bà Hồ Thu P vi phạm thỏa thuận trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ ngõ 2 (số mới là ngõ S) đường N, phường C, quận E, Hà Nội; thuộc Thửa đất số: AA; Tờ bản đồ số 15, đã được cấp “Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” số 10101123456, Hồ sơ gốc số: 28270.2001/5321/2001/QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 13/09/2001; ngày 23/04/2020 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh khu vực Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa đã đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Ngọc D và vợ là bà Hồ Thu P.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán khoản nợ của ông Nguyễn Ngọc D, bà Hồ Thu P đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần X. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Ngọc D, bà Hồ Thu P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nguyễn Ngọc D, bà Hồ Thu P chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 41.770.923 (Bốn mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, chín trăm hai mươi ba) đồng.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0021 ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thu Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../...../QĐST-.....⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày.....tháng.....năm về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:..../..../TLST-.....⁽³⁾ ngày...tháng... năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

.....
.....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....
.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).